

KẾ HOẠCH

**Hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn thuộc
Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn thành phố Hà Nội**

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 phê duyệt Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn; số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 05/2013/TTLT-UBND-NNPTNT-KHĐT-TC-XD ngày 18/11/2013 của liên Bộ: Ủy ban Dân tộc – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Bộ Kế hoạch và Đầu tư – Bộ Tài chính – Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Thông tư số 46/2014/TT-BNN&PTNT ngày 05/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ các Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình tiếp cận đa chiều của thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt kết quả điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều của thành phố Hà Nội năm 2016;

Căn cứ Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 15/7/2016 của UBND thành phố Hà Nội về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi của thủ đô Hà Nội giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 248/TTr-SNN ngày 31/10/2016, UBND thành phố Hà Nội ban hành Kế hoạch Hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất cho các đối tượng theo chính sách dân tộc tại các xã, các thôn, bản giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn thành phố Hà Nội như sau:

I. MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung:

- Thông qua chương trình hỗ trợ các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất giúp cho các hộ nghèo, cận nghèo vùng đặc biệt khó khăn nâng cao nhận thức, làm quen với phương thức sản xuất mới, tiến bộ khoa học trong sản xuất, từ đó nâng cao năng lực sản xuất, tăng thu nhập cho các hộ nghèo.

- Nâng cao năng lực cán bộ, năng lực quản lý, trang bị bổ sung kiến thức cho đội ngũ cán bộ cơ sở và cộng đồng khi triển khai các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo một cách nhanh và bền vững, đưa các thôn bản thoát khỏi xã, thôn đặc biệt khó khăn và dần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa xã, thôn đặc biệt khó khăn và các xã khác của Thành phố.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Phấn đấu 100 % các hộ xã, thôn đặc biệt khó khăn tham gia thực hiện dự án hỗ trợ sản xuất năm vững, thành thạo các phương thức và tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, phát triển kinh tế; biết tự tổ chức sản xuất làm giàu vươn lên thoát nghèo.

- Phấn đấu đến hết năm 2020 các xã miền núi trên địa bàn thành phố Hà Nội không còn xã, thôn đặc biệt khó khăn.

2. Các giải pháp chủ yếu

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với công tác dân tộc, chỉ đạo xây dựng cơ chế, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai việc hỗ trợ sản xuất đến các hộ, nhóm hộ thuộc thôn bản đặc biệt khó khăn.

- Triển khai nhiệm vụ hỗ trợ sản xuất đến các cấp ủy đảng, các Đoàn thể chính trị: Thanh niên, Phụ nữ, Đoàn Thanh niên cùng vào cuộc tham gia chỉ đạo, tạo dựng phong trào thi đua hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Triển khai các dự án hỗ trợ sản xuất đầu tư đúng đối tượng theo mục tiêu, dự án được phê duyệt bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

II. NỘI DUNG

1. Huyện Ba Vì

- Đối tượng: Các hộ nghèo, hộ cận nghèo, nhóm hộ thuộc các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi.

- Địa điểm triển khai thực hiện: Tại xã Ba Vì và 13 thôn thuộc 05 xã, Khánh Thượng, Minh Quang, Vân Hòa, Ba Trại, Yên Bài (theo Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Ủy ban Dân tộc).

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2017 đến năm 2020.

- Tổng kinh phí: 35.500 triệu đồng. Trong đó:

+ Tập huấn kỹ thuật, thông tin, tuyên truyền: 899 triệu đồng;

+ Hỗ trợ giống, phân bón, thức ăn, vật tư, xây dựng chuồng trại: 34.012 triệu đồng;

+ Hỗ trợ mua sắm máy móc, thiết bị: 349 triệu đồng;

+ Chi phí quản lý: 240 triệu đồng.

2. Huyện Mỹ Đức

- Đối tượng: Các hộ nghèo, hộ cận nghèo, nhóm hộ thuộc các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi.

- Địa điểm triển khai: Tại xã An Phú (theo Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2017 đến năm 2020.

- Tổng kinh phí: 11.510 triệu đồng. Trong đó:

+ Tập huấn kỹ thuật, thông tin, tuyên truyền: 105 triệu đồng;

+ Hỗ trợ giống, phân bón, thức ăn, vật tư, xây dựng chuồng trại: 10.200 triệu đồng;

+ Hỗ trợ mua sắm máy móc, thiết bị: 1.035 triệu đồng;

+ Chi phí quản lý: 170 triệu đồng.

3. Huyện Quốc Oai

- Đối tượng: Các hộ nghèo, hộ cận nghèo, nhóm hộ thuộc các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi.

- Địa điểm triển khai thực hiện: Tại 04 thôn thuộc 02 xã Đông Xuân và Phú Mãn (theo Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Ủy ban Dân tộc).

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2017 đến năm 2020.

- Tổng kinh phí: 7.790 triệu đồng. Trong đó:

+ Tập huấn kỹ thuật, thông tin, tuyên truyền: 170 triệu đồng;

+ Hỗ trợ giống, phân bón, thức ăn, vật tư, xây dựng chuồng trại: 5.875 triệu đồng;

+ Hỗ trợ mua sắm máy móc, thiết bị: 1.625 triệu đồng;

+ Chi phí quản lý: 120 triệu đồng.

III. MỨC HỖ TRỢ

Thực hiện theo các quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và của Ủy ban nhân dân Thành phố:

- Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành định mức tạm thời áp dụng cho các chương trình khuyến ngư;

- Quyết định số 3073/QĐ-BNN-KHCN ngày 28/10/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành các định mức tạm thời áp dụng cho các chương trình, dự án khuyến nông, khuyến ngư;

- Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông;

- Thông tư số 38/2011/TT-BNNPTNT ngày 23/5/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông;

- Quyết định số 54/QĐ-BNN-KHCN ngày 09/01/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành tạm thời các định mức kỹ thuật áp dụng cho các mô hình thuộc dự án khuyến nông Trung ương lĩnh vực chăn nuôi;

- Quyết định số 2002/QĐ-UBND ngày 05/3/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định “Một số nội dung chi và mức hỗ trợ đối với hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành phố Hà Nội.

IV. VỀ KHÁI TOÁN VÀ NGUỒN KINH PHÍ

1. Tổng kinh phí dự kiến: 54.800 triệu đồng. *Bằng chữ: Năm mươi tư tỷ tám trăm triệu đồng chẵn. (Chi tiết theo biểu tổng hợp đính kèm).*

2. Nguồn kinh phí: Được cân đối từ các nguồn ngân sách cấp Thành phố, ngân sách cấp huyện và huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Ban Dân tộc Thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan hướng dẫn về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện; xây dựng kế hoạch vốn để thực hiện đảm bảo đúng đối tượng, tránh trùng lặp, hiệu quả; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện; chịu trách nhiệm trước UBND Thành phố về chất lượng, tiến độ, hiệu quả thực hiện Chương trình 135 trên địa bàn Thành phố.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc Thành phố, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện và các đơn vị liên quan hướng dẫn, thực hiện các nội dung, dự án hỗ trợ theo quy định; đảm bảo đúng đối tượng, tránh trùng lặp, tiết kiệm, hiệu quả, đúng chính sách chế độ Nhà nước quy định. Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện dự án trên địa bàn và báo cáo định kỳ 6 tháng, 01 năm về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND Thành phố.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan tham mưu UBND Thành phố cân đối nguồn vốn sự nghiệp theo quy định.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu đề xuất UBND Thành phố bố trí vốn đầu tư bảo đảm nguồn lực đầu tư, đáp ứng nhu cầu theo tiến độ của Kế hoạch.

- Sở Lao động Thương binh và Xã hội phối hợp Ban Dân tộc Thành phố và các sở, ngành liên quan hướng dẫn UBND các huyện tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án do ngành quản lý, gắn với Chương trình 135 và Kế hoạch thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020 được UBND Thành phố ban hành tại Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 10/2/2017 đảm bảo đúng đối tượng, tránh trùng lặp và theo chế độ Nhà nước quy định.

- Các thành viên Ban Chỉ đạo, các sở, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan thường trực Chương trình 135 (Ban Dân tộc Thành phố) tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 trên địa bàn Thành phố đạt hiệu quả.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội chủ trì, phối hợp các cơ quan, đoàn thể chính trị - xã hội từ Thành phố đến cơ sở kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch.

- Ủy ban nhân dân các huyện: Ba Vì, Mỹ Đức, Quốc Oai chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện các dự án trên địa bàn huyện: tổ chức thẩm định và phê duyệt dự án cho các xã (kế hoạch chi tiết hàng năm và giai đoạn 2017-2020) theo đúng quy định của Trung ương và Thành phố; tổng hợp kế hoạch hàng năm báo cáo định kỳ 06 tháng, 01 năm về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Dân tộc Thành phố theo quy định.

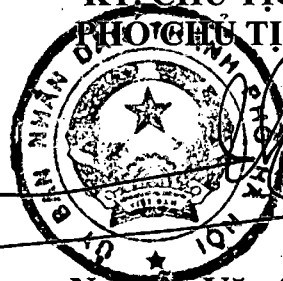
- Ủy ban nhân dân cấp xã: Xây dựng, tổ chức thực hiện dự án dân chủ, công khai, đúng đối tượng; Kiểm tra, đôn đốc các hộ, nhóm hộ thực hiện tốt nội dung dự án; Tổng hợp, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện dự án định kỳ 06 tháng, 01 năm về Ủy ban nhân dân huyện theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện có những khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo kịp thời về UBND Thành phố qua Ban Dân tộc Thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, đề xuất báo cáo UBND Thành phố đúng quy định./.

Nơi nhận:

- TT. Thành ủy, TT HĐND TP;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các đồng chí PCT UBND TP;
- UBMTTQ Việt Nam TP;
- Các sở, ngành: NN&PTNT, KH&ĐT, TC, LĐTB&XH, Ban Dân tộc TP;
- UBND các huyện: Ba Vì, Mỹ Đức, Quốc Oai;
- VPUB: CVP, PCVP NN.Son, TV.Dũng, KT, KGVX, TKBT;
- Lưu: VT, KT. *V. Anh* 25.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sửu

Tổng hợp kinh phí dự kiến hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất cho các đối tượng theo chính sách dân tộc tại các xã, các thôn, bản trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020
(Kèm theo Kế hoạch số 01 /KH-UBND ngày 09 / 5 /2017 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Phân kỳ thực hiện			
			Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	Tổng:	54.800	14.351	14.542	13.735	12.172
I	Huyện Ba Vì	35.500	8.533	9.520	9.295	8.152
1	Tập huấn kỹ thuật, thông tin, tuyên truyền	899	300	264	235	100
2	Hỗ trợ giống, phân bón, thức ăn, vật tư, xây dựng chuồng trại	34.012	8.000	9.000	9.000	8.012
3	Hỗ trợ mua sắm máy móc, thiết bị	349	163	186		
4	Chi phí quản lý	240	70	70	60	40
II	Huyện Mỹ Đức	11.510	2.958	2.560	2.680	3.312
1	Tập huấn kỹ thuật, thông tin, tuyên truyền	105	55	20	15	15
2	Hỗ trợ giống, phân bón, thức ăn, vật tư, xây dựng chuồng trại	10.200	2.853	2.490	2.625	2.232
3	Hỗ trợ mua sắm máy móc, thiết bị	1.035				1.035
4	Chi phí quản lý	170	50	50	40	30
III	Huyện Quốc Oai	7.790	2.860	2.462	1.760	708
1	Tập huấn kỹ thuật, thông tin, tuyên truyền	170	70	40	30	30
2	Hỗ trợ giống, phân bón, thức ăn, vật tư, xây dựng chuồng trại	5.875	2.100	2.042	1.200	533
3	Hỗ trợ mua sắm máy móc, thiết bị	1.625	650	350	500	125
4	Chi phí quản lý	120	40	30	30	20
	Tổng	54.800	14.351	14.542	13.735	12.172